



SMART PORTFOLIO

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư
SmartDragon

Tháng 2/2024

Cập nhật Danh mục đầu tư:

Tăng trưởng

VPB → **FPT**

VCI → **OCB**

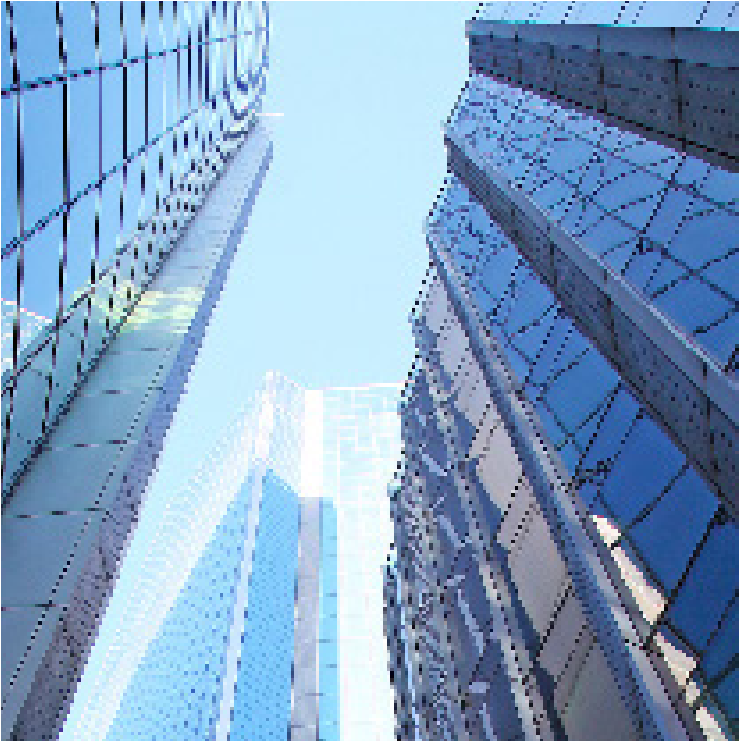
Cân bằng

VCB → **CMG**

Thận trọng

VCB → **CTG**





MỤC LỤC

CẬP NHẬT DANH MỤC ĐẦU TƯ THÁNG 01/2024

Danh mục đầu tư đa dạng nhiều chủ đề khác nhau tương ứng với từng khẩu vị rủi ro cũng như kỳ vọng của từng nhà đầu tư khác nhau.

TỔNG QUAN DANH MỤC SMARTPORTFOLIO

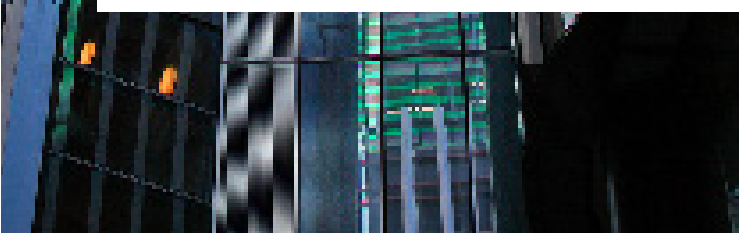
SmartPortfolio là sản phẩm đầu tư thuộc nền tảng SmartDragon, nhằm cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với khẩu vị rủi ro của mỗi nhà đầu tư.

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

SmartPortfolio sẽ kết hợp giữa hai phương pháp Top-down và Bottom-up để đưa ra những danh mục cổ phiếu khuyến nghị chất lượng.

BAN PHỤ TRÁCH DANH MỤC ĐẦU TƯ

Là những thành viên có chuyên môn sẽ chịu trách nhiệm đánh giá, đưa ra nhận định với từng cổ phiếu và cơ cấu danh mục phù hợp với các nhóm đối tượng đầu tư.



Kết thúc phiên giao dịch ngày 27/01/2024, chỉ số VN-Index giảm 0,49% xuống còn 1.175,67 điểm, chấm dứt chuỗi 5 tuần tăng trưởng liên tiếp.

Thanh khoản thị trường sụt giảm đáng kể trong 2 tuần trở lại đây, từ mức bình quân 22.000 tỷ đồng xuống còn 16.000 tỷ đồng. Dù vậy, khối ngoại vẫn tiếp tục mua ròng với giá trị 1.027 tỷ đồng trong phiên giao dịch này, đánh dấu tuần mua ròng thứ 2 liên tiếp. Lũy kế từ đầu năm, khối ngoại đã mua ròng 615 tỷ đồng, trái ngược với mức bán ròng 22.818 tỷ đồng ghi nhận trong năm 2023.

Nhìn chung, thị trường đang có nhịp điều chỉnh sau chuỗi tăng nóng trước đó. Thanh khoản thấp cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư. Tuy nhiên, dòng tiền ngoại tiếp tục rót vào thị trường là tín hiệu tích cực cho thấy niềm tin vào tiềm năng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam trong dài hạn.

Cơ hội đầu tư vẫn xuất hiện ở một số "điểm nóng" riêng lẻ. Do vậy, nhà đầu tư cần chọn lọc kỹ lưỡng và quản lý rủi ro chặt chẽ khi tham gia thị trường trong giai đoạn này.

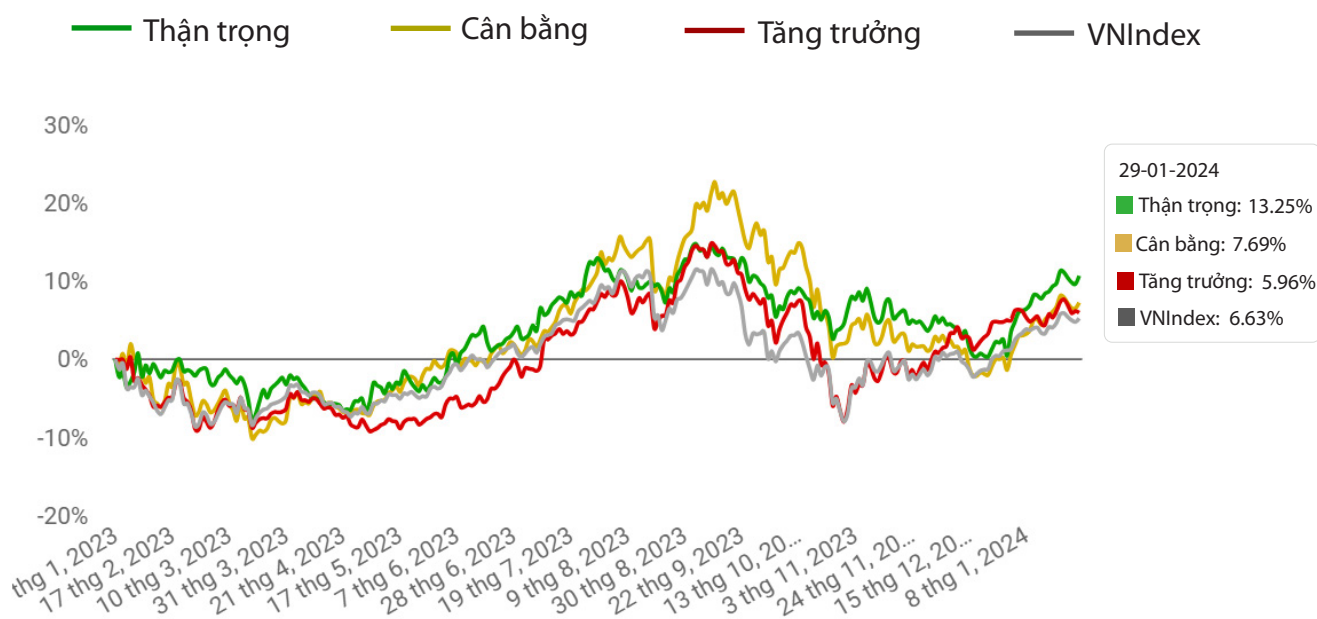
CẬP NHẬT DANH MỤC ĐẦU TƯ THÁNG 02/2024

Trong lần cập nhật danh mục này, chúng tôi cập nhật quan điểm và điều chỉnh cổ phiếu trong danh mục sau khi đánh giá lại các sự kiện kinh tế gần đây cũng như điểm nhấn đầu tư ở một số nhóm cổ phiếu kỳ vọng vượt trội hơn khi thị trường chung dần hồi phục trở lại. Cụ thể:

- Danh mục **Thận trọng**: chúng tôi thay thế **VCB** bằng **CTG**
- Danh mục **Cân bằng**: chúng tôi thay thế **VCB** bằng **CMG**
- Danh mục **Tăng trưởng**: chúng tôi thay thế **VPB, VCI** bằng **FPT, OCB**

Để giúp nhà đầu tư bám sát cơ hội đầu tư, chúng tôi có cập nhật vùng mua ở một số các cổ phiếu để tận dụng nhịp điều chỉnh, giải ngân khi cổ phiếu chạm đến những vùng giá hấp dẫn hơn cho kỳ vọng 3 – 6 tháng tới.

HIỆU QUẢ DANH MỤC ĐẦU TƯ



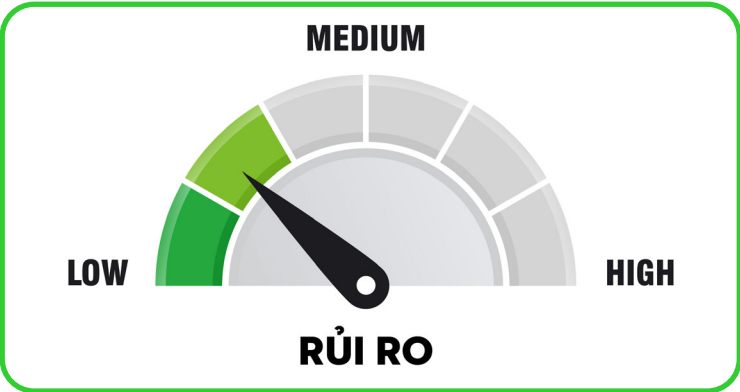
Khoảng thời gian: 12 tháng

Dữ liệu được cập nhật tại ngày 29/01/2024

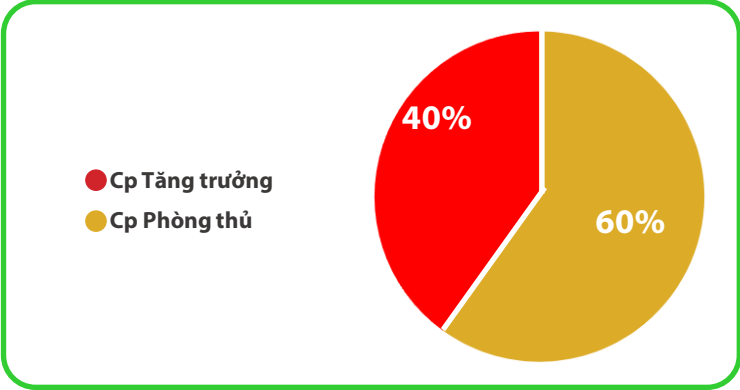
DANH MỤC THẬN TRỌNG

- Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục

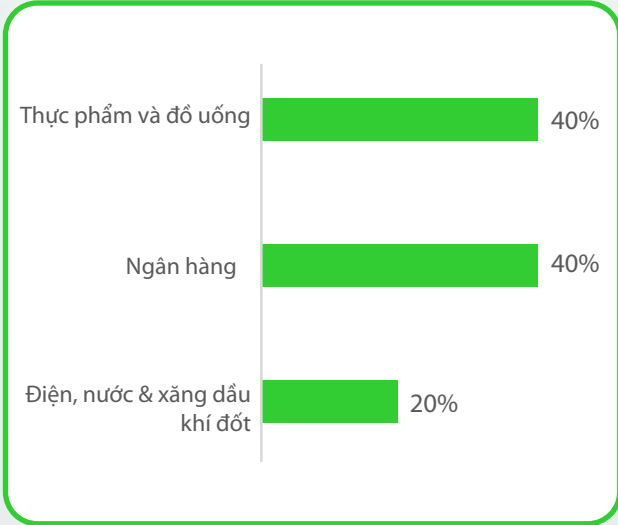


Danh mục cổ phiếu THẬN TRỌNG

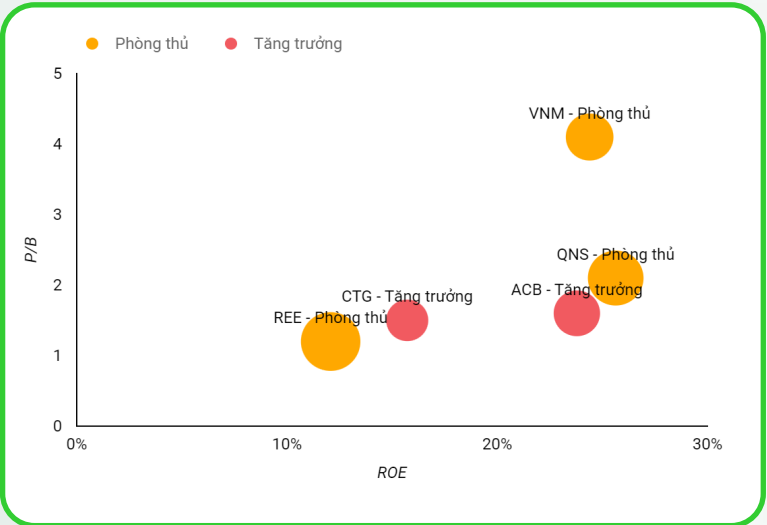
Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu [*]	Giá hiện tại [*]	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua [*]	Tỷ trọng	P/E	P/B
ACB		Ngân hàng	29	26.15	10.9%	24 - 25	20%	6.8	1.6
CTG		Ngân hàng	31.6	32.4	-2.5%	27.5 - 30.5	20%	9.6	1.5
QNS		Thực phẩm và đồ uống	54	46.1	17.1%	43 - 44	20%	8.4	2.2
REE		Điện, nước & xăng dầu khí đốt	74	56.4	31.2%	52 - 54	20%	9.6	1.2
VNM		Thực phẩm và đồ uống	87.6	67.2	30.4%	65.5 - 67	20%	16.7	4.1

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/01/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bố theo ngành (%)



Tương quan giữa ROE và P/B



Hiệu suất danh mục Thận trọng



Dữ liệu được cập nhật tại ngày 29/01/2024

ĐIỂM NHẤN DOANH NGHIỆP

ACB

HOSE



Smartscore

85

Giá mục tiêu: 29,000
Giá hiện tại: 26,150
Lợi nhuận kỳ vọng: 10.9%
Vùng mua: 24,000 - 25,000

+/- Doanh thu (Q4/23): 5.7%
+/- LNST (Q4/23): 39.6%
EPS: 4,102 P/E: 6.8
ROE: 24.4% P/B: 1.6

ACB là một trong những ngân hàng có chất lượng tài sản tốt nhất ngành với nợ xấu nội bảng chỉ ghi nhận 1,08%, mức tăng còn lại được Ngân hàng ghi nhận khi đối chiếu CIC (phần nợ xấu của Khách hàng ACB ở ngân hàng khác). Theo ước tính, trong năm 2023, chi phí tín dụng tăng nhẹ ở mức 0,39% nhưng vẫn là ngân hàng có chi phí tín dụng thấp nhất ngành. Cho 2024, chúng tôi kỳ vọng ACB vẫn có khả năng duy trì chi phí tín dụng tương đương năm 2023 và tiếp tục kiểm soát nợ xấu trong ngưỡng mục tiêu.

Thu nhập lãi thuần dự phóng năm 2023 theo ước tính của chúng tôi tăng trưởng ở mức 9%. Tuy nhiên, triển vọng sẽ có phần khả quan hơn trong năm 2024 khi NIM được dự

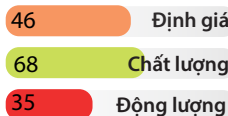
phóng hồi phục hồi 15bps lên mức 4,26% và tăng trưởng tín dụng ở mức xấp xỉ 15% tạo cơ sở cho thu nhập lãi thuần khởi sắc với mức tăng trưởng lên 17%.

Thu nhập phí 9T2023 tăng trưởng âm 16% YoY, đến từ ảnh hưởng của mức sụt giảm 18% của hoạt động bảo hiểm. Tuy nhiên, sự ổn định và hồi phục trên cơ sở quý của hoạt động banca được dự phóng sẽ tiếp tục khi nhu cầu tín dụng hồi phục từ đó tạo động lực cho mức tăng trưởng về thu nhập phí ước tính ở mức 22% cho năm 2024.

“Động lực tăng trưởng đến từ nguồn thu nhập cốt lõi kéo theo sự hồi phục của nguồn thu nhập phí.”

CTG

HOSE



Smartscore

55

Giá mục tiêu: 31,600
Giá hiện tại: 32,400
Lợi nhuận kỳ vọng: -2.5%
Vùng mua: 27,500 - 30,500

+/- Doanh thu (Q4/23): 7.1%
+/- LNST (Q4/23): 43.6%
EPS: 1,000 P/E: 9.6
ROE: 15.7% P/B: 1.5

CTG gần đây đã chia sẻ KQKD sơ bộ năm 2023 với LNTT tăng 20% so với cùng kỳ (vượt 5% dự báo của chúng tôi) nhờ tín dụng tăng trưởng mạnh 15.6% (so với mức tăng trưởng 8.7% so với đầu năm trong 9 tháng đầu năm 2023), cho thấy tín dụng đã tăng trưởng mạnh trong Q4/2023. Chất lượng tài sản vẫn được duy trì ở mức tốt với tỷ lệ nợ xấu giảm còn 1.12% (so với 1.37% tại thời điểm cuối Q3/2023) dựa trên tăng trưởng tín dụng mạnh và động thái tích cực xóa nợ xấu trong Q4/2023.

Với KQKD năm 2023 vượt dự báo, chúng tôi ước tính LNTT Q4/2023 đạt khoảng 7.7 nghìn tỷ đồng (tăng 44% so với cùng kỳ và tăng 58% so với quý trước). Nguyên nhân

chính giúp lợi nhuận vượt kỳ vọng khả năng cao là chi phí dự phòng thấp hơn dự báo. Nói chung, lợi nhuận thuần 3 năm dự báo tăng trưởng với tốc độ CAGR 19.5%.

CTG có P/B trượt dự phóng 1 năm là 1.17 lần, tương đương bình quân 5 năm nhưng vẫn đang bị định giá thấp khi chiết khấu tới 37% so với NHTM tương đồng nhất là BID.

“CTG ghi nhận kết quả kinh doanh sơ bộ năm 2023 vượt kỳ vọng, nhờ tín dụng tăng trưởng mạnh và chất lượng tài sản được cải thiện.”

QNS

UPCOM

Smartscore

67

65 Định giá

69 Chất lượng

62 Động lượng

Giá mục tiêu: 54,000
 Giá hiện tại: 46,100
 Lợi nhuận kỳ vọng: 17.1%
 Vùng mua: 43,000 - 44,000

+/- Doanh thu (Q4/23): 16.7%
 +/- LNST (Q4/23): 53.3%
 EPS: 5,496 P/E: 8.4
 ROE: 25.6% P/B: 2.1

QNS ước tính tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2023 lần lượt là 10,500 tỷ đồng (+22% svck) và 2,600 tỷ đồng (+72% svck). Động lực tăng trưởng của doanh thu và lợi nhuận ròng là mảng đường. Cụ thể, QNS ghi nhận sản lượng đường tiêu thụ của năm 2023 là 222 nghìn tấn (+73% svck), tương ứng với doanh thu 4,200 tỷ đồng (+89% svck). Đáng chú ý, QNS ghi nhận lợi nhuận trước thuế trong Q4 2023 là 900 tỷ đồng (+82% svck). Động lực chính là mảng đường với lợi nhuận trước thuế 320 tỷ, và lợi nhuận tài chính tăng nhờ khoản hoàn nhập dự phòng.

Kế hoạch lợi nhuận thận trọng năm 2024: Về mảng đường, công ty ước tính sản lượng đường bán ra đạt 235 nghìn tấn (+6% svck). Bên cạnh đó, công ty cũng đã ký các hợp đồng bán đường cho cả năm 2024, do đó kế hoạch 235

nghìn tấn hoàn toàn có thể đạt được trong năm 2024; Về mảng sữa, QNS dự định sẽ triển khai khoảng 2-3 chiến dịch tung ra sản phẩm mới trong năm 2024 và kỳ vọng giữ vững thị phần mảng sữa đậu nành khoảng 90 - 91%. QNS đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2024 lần lượt là 9.000 tỷ đồng (-12% svck) và 1.500 tỷ đồng (-38% svck).

Kế hoạch chia cổ tức: QNS chia sẻ tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm 2023 sẽ hơn 30%/mệnh giá/cổ phiếu. Công ty đã tạm ứng 20% cổ tức năm 2023. Về kế hoạch cổ tức năm 2024, QNS chưa chia sẻ kế hoạch cụ thể.

“Lợi nhuận trước thuế của QNS trong Q4/2023 tăng trưởng mạnh mẽ, đạt 900 tỷ đồng, tăng 82% so với cùng kỳ.”

REE

HOSE

Smartscore

58

40 Định giá

73 Chất lượng

48 Động lượng

Giá mục tiêu: 74,000
 Giá hiện tại: 56,400
 Lợi nhuận kỳ vọng: 31.2%
 Vùng mua: 52,000 - 54,000

+/- Doanh thu (Q4/23): -32.7%
 +/- LNST (Q4/23): -29.9%
 EPS: 6,274 P/E: 9.6
 ROE: 12.1% P/B: 1.2

REE đã công bố KQKD Q3/2023 với doanh thu thuần đạt 1,962 tỷ đồng (giảm 12.2% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 450 tỷ đồng (giảm 34% so với cùng kỳ). Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, doanh thu đạt 6,505 tỷ đồng (tăng 3.2% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 1,684 tỷ đồng (giảm 14.5% so với cùng kỳ), bằng lần lượt 63% và 65.2% dự báo cả năm 2023 của chúng tôi.

Lợi nhuận ngắn hạn của REE đang chịu tác động tiêu cực do hiện tượng El Nino ảnh hưởng đến sản lượng thủy điện của Công ty. Khi hiện tượng này giảm bớt (hoặc đảo ngược) trong trung hạn, chúng tôi kỳ vọng KQKD sẽ cho thấy sự phục hồi. Về mặt tích cực, mảng kinh doanh BĐS

của REE dự kiến sẽ giúp Công ty bù đắp sự sụt giảm trong ngắn hạn ở mảng điện.

Chúng tôi giữ nguyên ước tính EPS giai đoạn 2023-2025 – thấp hơn một chút so với dự báo của thị trường cho năm 2024-2025 – tương đương lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR -2.3%. REE đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 8.2 lần, thấp hơn 0.9 lần độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 9,3 lần.

“Lợi nhuận REE quý 3/2023 giảm 34% so với cùng kỳ do ảnh hưởng tiêu cực bởi hiện tượng El Nino, nhưng kỳ vọng KQKD phục hồi khi hiện tượng giảm bớt trong trung hạn.”

VNM

HOSE

40 Định giá

81 Chất lượng

52 Động lượng

Smartscore

63

Giá mục tiêu: 87,600

Giá hiện tại: 67,200

Lợi nhuận kỳ vọng: 30.4%

Vùng mua: 65,500 - 67,000

+/- Doanh thu (Q4/23): 3.7%

+/- LNST (Q4/23): 24.4%

EPS: 4,027 P/E: 16.7

ROE: 24.4% P/B: 4.1

Lợi nhuận ròng của Vinamilk năm 2024 dự kiến sẽ tăng trưởng ở mức hai chữ số dương, nhờ vào việc vẫn giữ được lợi thế của chi phí đầu vào thấp. Dự báo doanh thu trong năm sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực nhờ xu hướng ưa thích sản phẩm tầm trung và thành công của chiến dịch "tái định vị thương hiệu". Vinamilk dự kiến thu hút được một lượng lớn khách hàng mới và gia tăng thị phần nhờ vào tệp khách hàng trung thành cũng như khả năng tối ưu hoá chi phí với giá bột sữa nguyên liệu ổn định đến tháng 3/2024. Dự kiến lợi nhuận ròng sẽ tăng 11% so với năm trước, đạt mức 10.068 tỷ đồng.

Chiến dịch "tái định vị thương hiệu" cũng được đánh giá là một thành công, giúp Vinamilk thu hút thêm khách hàng

và ổn định tăng trưởng doanh thu.

Đối với cổ tức, Vinamilk đã duy trì mức chi trả cao qua các chu kỳ kinh tế, có lịch sử chi trả cổ tức tiền mặt ổn định (> 75%). Tuy nhiên, có nguy cơ từ việc tăng giá bột sữa nhập khẩu trở lại đỉnh năm 2022 trong nửa cuối năm 2024, gây áp lực lên tăng trưởng lợi nhuận.

“Vinamilk dự kiến tăng trưởng lợi nhuận đáng kể trong năm 2024 nhờ chiến dịch tái định vị thương hiệu và chi phí đầu vào thấp, mặc dù đối mặt áp lực từ tăng giá bột sữa nhập khẩu.”

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
SIP	●	Bất động sản	68	73.8	-7.86%	69.6 - 72.5	16.0	3.6	7,386
BMI	-	Bảo hiểm	23	21.7	6.0%	20.5 - 21.5	12.0	1.1	2,760
BWE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	42.5	41.8	1.7%	40 - 41.5	11.6	1.8	3,602
KBC	●	Bất động sản	40	30.4	31.8%	27 - 30	19.7	1.2	1,542
SZC	-	Bất động sản	45	38.7	16.28%	34 - 37	34.8	4.4	1,990

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/01/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

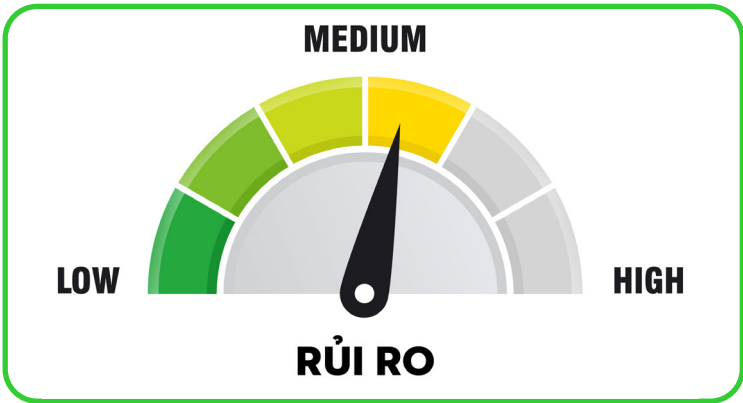
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

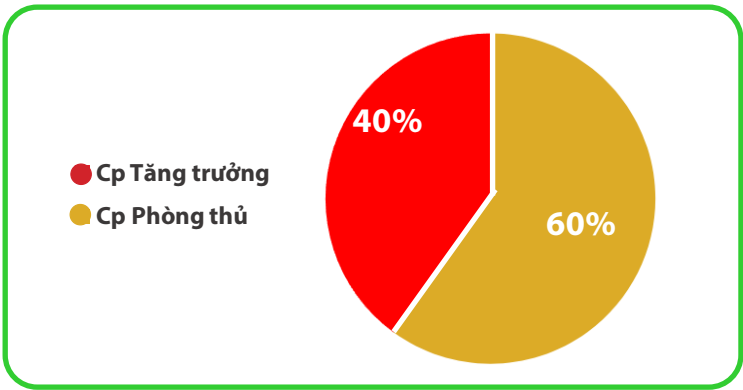
DANH MỤC CÂN BẰNG

- Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 10-15%/năm.
- Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục

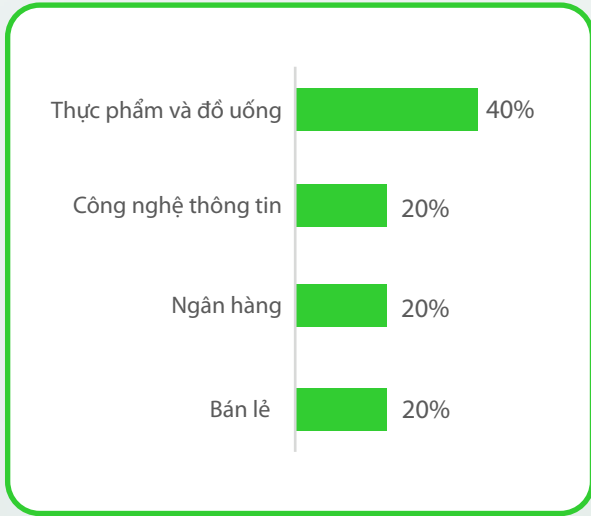


Danh mục cổ phiếu CÂN BẰNG

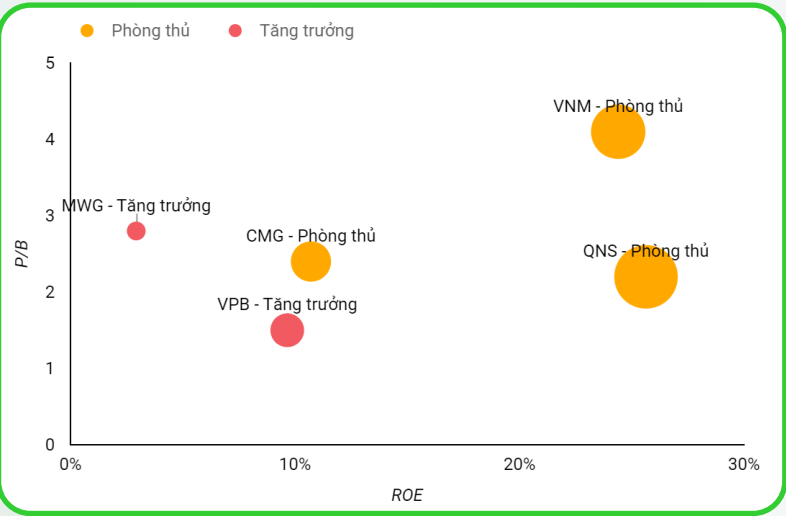
Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
CMG		Công nghệ Thông tin	43.45	39.5	10.0%	37.5 - 39	20%	31.3	2.4
MWG		Bán lẻ	51.5	44.6	15.6%	39 - 42	20%	93.5	2.7
QNS		Thực phẩm và đồ uống	54	46.1	17.1%	43 - 44	20%	8.4	2.2
VNM		Thực phẩm và đồ uống	87.6	67.2	30.4%	65.5 - 67	20%	16.7	4.1
VPB		Ngân hàng	20.7	19.6	5.6%	18.5 - 19.3	20%	15.1	1.5

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/01/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

Phân bổ theo ngành (%)



Tương quan giữa ROE và P/B



Hiệu suất danh mục Cân bằng

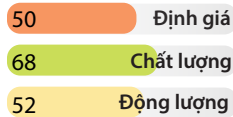


Dữ liệu được cập nhật tại ngày 29/01/2024

ĐIỂM NHẤN DOANH NGHIỆP

CMG

HOSE



Smartscore

59

Giá mục tiêu: 43,450
Giá hiện tại: 39,500
Lợi nhuận kỳ vọng: 10.0%
Vùng mua: 37,500 - 39,000

+/- Doanh thu (Q4/23): -8.1%
+/- LNST (Q4/23): 16.6%
EPS: 2,199 P/E: 31.3
ROE: 10.7% P/B: 2.4

Cho năm tài chính 2023 (kết thúc 31/3/2024), CMG xây dựng hai kịch bản tăng trưởng cho LNST ở mức 15% YoY (kịch bản cơ sở) và 21% YoY (kịch bản mục tiêu).

Khối Kinh doanh quốc tế (KDQT) đặt mục tiêu tăng trưởng LN cao nhất với tốc độ tương ứng của hai kịch bản là 59% YoY và 62% YoY, qua đó đóng góp ngày càng quan trọng vào cơ cấu LN của tập đoàn (gần 40% LNTT KH 2023). Trong khi đó, khối Hạ tầng số (Viễn thông) – trụ cột về LN của tập đoàn CMG – đặt mục tiêu tăng trưởng LN 19% YoY -22% YoY trong năm 2023.

CMG lên KH đầu tư với tổng quy mô gần 2 nghìn tỷ trong

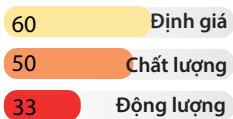
năm 2023, tương ứng gần 30% tổng tài sản, tập trung mở rộng quy mô hạ tầng số và xây dựng các tổ hợp không gian sáng tạo (CCS) tại Hòa Lạc, Hà Nội và Tân Thuận (HCM).

CMG là một sự lựa chọn đáng chú ý để tham gia vào quá trình tăng trưởng bền vững của ngành CNTT, vốn được thúc đẩy bởi quá trình CDS của các doanh nghiệp tại Việt Nam cũng như trên toàn cầu. Định giá P/E 2023F/24F hiện tại là 20.x/15.x có thể đã phản ánh tương đối đầy đủ tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận của Tập đoàn trong năm nay.

“Khối Kinh doanh quốc tế được đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận cao nhất, kỳ vọng đóng góp gần 40% LNTT KH 2023.”

MWG

HOSE



Smartscore

51

Giá mục tiêu: 51,500
Giá hiện tại: 44,550
Lợi nhuận kỳ vọng: 15.6%
Vùng mua: 39,000 - 42,000

+/- Doanh thu (Q4/23): 2.7%
+/- LNST (Q4/23): -85.4%
EPS: 476 P/E: 93.5
ROE: 2.9% P/B: 2.7

Lợi nhuận của Mobile World Group (MWG) dự kiến sẽ có mức tăng trưởng ở mức ba chữ số trong năm 2024, sau hai năm liên tiếp ghi nhận sự suy giảm, nhờ vào sự phục hồi của doanh thu và nỗ lực cải thiện lợi nhuận thông qua việc giảm chi phí, đặc biệt là bằng cách tạm ngừng đầu tư vào các dự án không cần thiết.

Đồng thời, Bách Hoá Xanh (BHX) tiếp tục là điểm sáng cho chiến lược đầu tư dài hạn của MWG, nhờ vào mô hình vận hành được cải thiện và triển vọng tăng trưởng doanh thu ổn định. Sau quá trình tái cấu trúc vào tháng 4/2023, doanh thu trung bình mỗi cửa hàng của BHX duy trì xu hướng tăng, đạt 1.8 tỷ đồng trong tháng 11/2023 từ mức

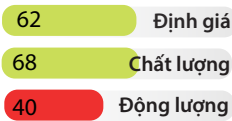
1.3 tỷ đồng vào tháng 4/2023.

Dự báo MWG sẽ thành công trong việc tìm kiếm đối tác đầu tư phù hợp cho chuỗi BHX, nhờ vào lợi nhuận được cải thiện và ổn định của nó. Tuy nhiên, có rủi ro từ việc nhu cầu trong ngành điện thoại và điện máy tiếp tục yếu trong năm 2024 do kinh tế không phục hồi như kỳ vọng, tạo áp lực tiềm ẩn lên dự báo tăng trưởng của MWG.

“MWG dự kiến tăng trưởng lợi nhuận ba chữ số trong năm 2024, nhờ phục hồi doanh thu và nỗ lực giảm chi phí. BHX tiếp tục là điểm sáng với mô hình vận hành cải thiện và triển vọng doanh thu ổn định sau tái cấu trúc.”

VPB

HOSE



Smartscore

61

Giá mục tiêu: 20,700
Giá hiện tại: 19,600
Lợi nhuận kỳ vọng: 5.6%
Vùng mua: 18,500 - 19,300

+/- Doanh thu (Q4/23): 4.5%
+/- LNST (Q4/23): -10.4%
EPS: 1,546 P/E: 15.1
ROE: 9.7% P/B: 1.5

VPB công bố KQKD năm 2023 với LNTT hợp nhất đạt 11 nghìn tỷ đồng (-48.2% YoY) với LNTT của ngân hàng mẹ đạt 13.5 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 84% dự báo cả năm của chúng tôi. Diễn biến này tương ứng với LNTT hợp nhất quý 4/2023 đạt 2.7 nghìn tỷ đồng (-13.1% QoQ). Ngoài ra, chúng tôi ước tính FE Credit có thể ghi nhận khoảng hơn 150 tỷ đồng LNTT trong quý 4/2023 sau khi hòa vốn vào quý 3/2023.

Tăng trưởng tín dụng năm 2023 của ngân hàng mẹ (bao gồm cho vay và trái phiếu doanh nghiệp) đạt 31.8% với tăng trưởng cho vay năm 2023 đạt 37.3%. Tăng trưởng tiền gửi hợp nhất năm 2023 là 45.9%. Ngoài ra, tỷ lệ CASA hợp nhất trong quý 4/2023 của VPB là 17.4% (đi ngang YoY và QoQ). Thu nhập từ phí (NFI) hợp nhất năm 2023 đạt 7.1

nghìn tỷ đồng (+10.2% YoY). CIR năm 2023 là 28.0% (so với CIR năm 2022 là 27.0%).

Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất năm 2023 là 5.01% (-73 điểm cơ bản QoQ) và tỷ lệ nợ Nhóm 2 trên tổng dư nợ là 6.89% (-114 điểm cơ bản QoQ). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu quý 4/2023 tăng 9 điểm % lên 51.7% (so với 54.4% vào năm 2022).

VPB đạt tỷ lệ CAR cao nhất trong số các ngân hàng mà chúng tôi theo dõi, ở mức hơn 17% (mức hợp nhất) với thanh khoản dồi dào. Tỷ lệ cho vay/huy động năm 2023 là 79,6% và nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn

“Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của VPB năm 2023 giảm mạnh -48.2% so với cùng kỳ với tỷ lệ nợ xấu vẫn ở mức cao.”

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
CTG		Ngân hàng	31.6	32.1	-1.4%	27.5 - 30.5	9.5	1.5	3,134
GAS		Điện, nước & xăng dầu khí đốt	79	75.5	4.6%	73 - 74.5	14.3	2.7	6,339
LHG	-	Bất động sản	50	30.8	62.6%	29.5 - 31.5	11.2	1.0	2,751
MBB		Ngân hàng	22.6	22.1	2.5%	19.5 - 21	6.0	1.3	3,481
TCB	-	Ngân hàng	38	35.4	7.5%	32 - 33.5	7.3	1.0	4,726

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/01/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

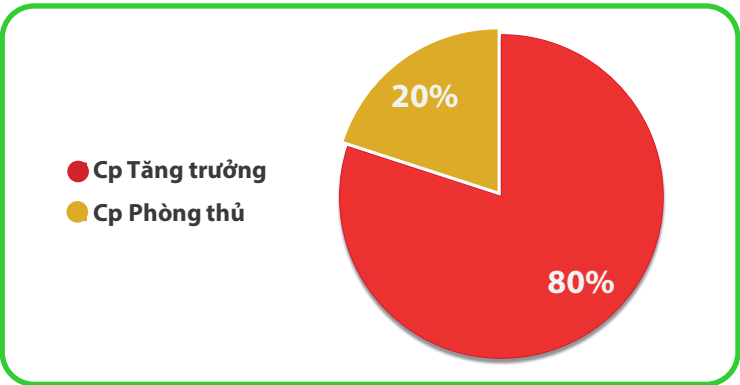
DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

- Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt.
- Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường.
- Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm.

Rủi ro danh mục



Tỷ trọng danh mục

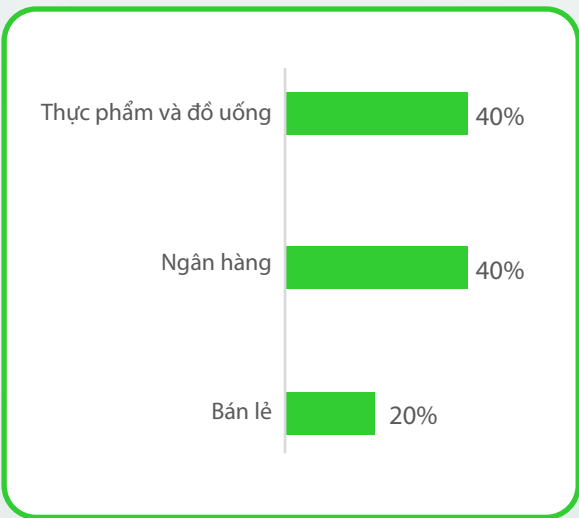


Danh mục cổ phiếu TĂNG TRƯỞNG

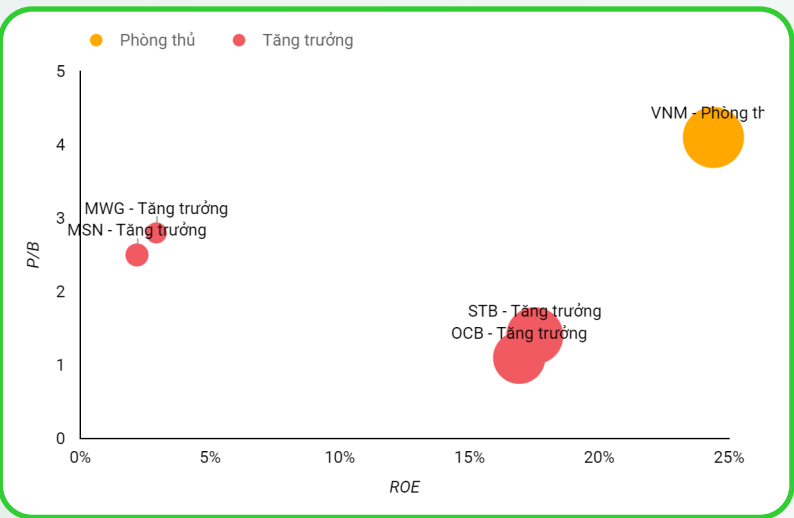
Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua *	Tỷ trọng	P/E	P/B
MSN		Thực phẩm và đồ uống	95.7	65.7	45.7%	58 - 63	20%	115.3	2.5
MWG		Bán lẻ	51.5	44.6	15.6%	39 - 42	20%	93.5	2.7
OCB		Ngân hàng	15.9	14.7	8.2%	13.2 - 14	20%	6.7	1.1
FPT		Công nghệ Thông tin	109,3	98,9	10,52%	88 - 90	20%	19,4	4,4
VNM		Thực phẩm và đồ uống	87.6	67.2	30.4%	65.5 - 67	20%	16.7	4.1

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/01/2024

Phân bố theo ngành (%)



Tương quan giữa ROE và P/B



Hiệu suất danh mục Tăng trưởng

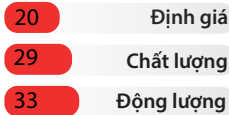


Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/01/2024

ĐIỂM NHẤN DOANH NGHIỆP

MSN

HOSE



Smartscore

27

Giá mục tiêu:	95,700
Giá hiện tại:	65,700
Lợi nhuận kỳ vọng:	45.7%
Vùng mua:	58,000 - 63,000

+/- Doanh thu (Q4/23):	0.7%
+/- LNST (Q4/23):	-88.8%
EPS:	572
P/E:	115.3
ROE:	2.2%
P/B:	2.5

Năm 2023, sau khi mô hình vận hành phù hợp của Winmart đã được xác định, MSN đã tiến hành mở rộng chuỗi cửa hàng này. Tuy nhiên, việc này gặp khó khăn khi nền kinh tế phục hồi chậm, dẫn đến giảm trung bình 10% doanh thu mỗi tháng trên mỗi cửa hàng trong Q3/2023.

Dự kiến sau một năm tăng cường mở rộng, MSN sẽ thành công trong việc chuẩn hoá mô hình vận hành của Winmart, từ đó tăng cường hiệu suất hoạt động. Với WCM chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu và MCH đóng góp quan trọng vào lợi nhuận, việc cải thiện doanh thu của WCM và duy trì lợi nhuận ổn định của MCH sẽ giúp nâng cao tổng hiệu suất kinh doanh của MSN.

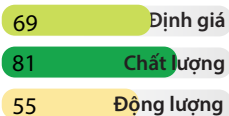
Dự kiến áp lực lãi vay sẽ giảm từ năm 2024 nhờ nguồn tài

trợ từ Bain Capital và việc giảm tổng nợ. Với kỳ vọng về sự tăng trưởng trong mảng bán lẻ tiêu dùng và chỉ số giao dịch thấp hơn so với trung bình 5 năm, cổ phiếu MSN có thể đang được định giá dưới giá trị thực. Tuy nhiên, cần lưu ý về rủi ro từ việc duy trì mức nợ cao để hỗ trợ chiến lược mở rộng kinh doanh..

“MSN mở rộng chuỗi cửa hàng Winmart gặp khó khăn do kinh tế phục hồi chậm, tuy nhiên dự kiến việc chuẩn hoá mô hình vận hành sẽ nâng cao hiệu suất từ năm sau. Áp lực lãi vay dự kiến giảm từ năm 2024, với kỳ vọng tăng trưởng bán lẻ tiêu dùng.”

OCB

HOSE



Smartscore

73

Giá mục tiêu:	15,900
Giá hiện tại:	14,700
Lợi nhuận kỳ vọng:	8.2%
Vùng mua:	13,200 - 14,000

+/- Doanh thu (Q4/23):	-1.7%
+/- LNST (Q4/23):	-24.7%
EPS:	2,936
P/E:	6.7
ROE:	16.9%
P/B:	1.1

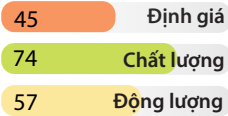
Trong năm 2024, dự kiến thu nhập lãi thuần của OCB sẽ tăng 20.5% nhờ tăng trưởng tín dụng dự kiến 19% và cải thiện biên NIM. Các nguồn thu khác như phí và thu hồi nợ xấu cũng dự kiến sẽ tiếp tục cải thiện. Chuyển đổi số của OCB cũng đem lại hiệu quả rõ rệt, kỳ vọng lợi nhuận trước thuế giai đoạn 2024-2027 tăng trưởng với tốc độ CAGR 15.7%.

Dự kiến giá cổ phiếu OCB sẽ được định giá lại cao hơn dựa trên chất lượng tài sản và khẩu vị rủi ro của ngân hàng. Tuy nhiên, khả năng ảnh hưởng từ suy thoái kinh tế tiềm ẩn có thể tạo ra rủi ro, đặc biệt đối với việc hình thành nợ xấu cao hơn dự kiến trong phân khúc kinh doanh thuận chu kỳ.

“OCB dự kiến tăng thu nhập lãi thuần 20.5% trong năm 2024 nhờ tăng trưởng tín dụng và cải thiện biên NIM. Chuyển đổi số đem lại hiệu quả, kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận trước thuế 15.7% từ 2024-2027.”

FPT

HOSE



Smartscore

62

Giá mục tiêu:109,300

Giá hiện tại:98,900

Lợi nhuận kỳ vọng:10.5%

Vùng mua:91.000 - 94.000

+/- Doanh thu (Q4/23): 12.6%

+/- LNST (Q4/23): 27.9%

EPS: 5,459P/E:19.4

ROE: 22.7%P/B: 4.4

FPT đã công bố KQKD sơ bộ năm 2023 với doanh thu thuần đạt 52,618 tỷ đồng (tăng trưởng 19.5%) và lợi nhuận thuần đạt 6,470 tỷ đồng (tăng trưởng 22.2%), đều sát với dự báo của chúng tôi. Tính riêng Q4/2023, doanh thu đạt 14,691 tỷ đồng (tăng 12,6% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 1,728 tỷ đồng (tăng 27.8% so với cùng kỳ).

Năm 2023: Mạng CNTT toàn cầu dẫn đầu tăng trưởng với doanh thu và LNTT đạt lần lượt 24,488 tỷ đồng (tăng trưởng 28.3%) và 3,782 tỷ đồng (tăng trưởng 26.6%); Mạng dịch vụ CNTT trong nước yếu với doanh thu và LNTT đạt lần lượt 7,161 tỷ đồng (tăng trưởng 8.7%) và 379 tỷ đồng (giảm 12.7%); Doanh thu và LNTT mảng dịch vụ viễn thông đạt lần lượt 15,186 tỷ đồng (tăng trưởng 8.8%) và

2,895 tỷ đồng (tăng trưởng 15.4%); Doanh thu mảng giáo dục đạt 6,159 tỷ đồng (tăng trưởng 30.7%).

Chúng tôi đánh giá tích cực đối với FPT nhờ (1) công nghệ kỹ thuật cao và năng lực triển khai của FPT được hỗ trợ từ mảng giáo dục cùng các thương vụ M&A và (2) nhu cầu chuyển đổi số ngày càng gia tăng do đây là giải pháp chính để cải thiện hiệu quả hoạt động của tất cả các mảng kinh doanh theo chiều dọc.

“LNST sau lợi ích CĐTS tăng 22% YoY nhờ đà tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ từ ngành CNTT toàn cầu.”

Danh sách cổ phiếu chờ cho danh mục TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ⁽¹⁾	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua *	P/E	P/B	EPS
BSR	-	Dầu khí	20.6	19	8.4%	16.2 - 17.2	7.6	1.1	2,492
HAH	-	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42	38.25	9.8%	32.5 - 34	8.2	1.3	6,226
HDG	-	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	30.9	25.8	19.8%	22.5 - 24.5	11.6	1.1	2,618
NLG	-	Bất động sản	38.4	39.5	-2.8%	32 - 36	26.9	1.2	1,643
PVD		Dầu khí	30.9	27.65	11.8%	25.5 - 27	35.6	1.1	776

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/01/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

DANH MỤC CHỦ ĐỀ



Cổ tức tiền mặt cao: TCH, VTP, GMD, PNJ, FPT,...

Đầu tư công: HPG, HSG, DPG, C4G, CTD,...



P/B < 1: DXG, OIL, DPR, POW, PAN, IJC, PVP,...

BĐS Dân dụng & KCN: HDC, IJC, KDH, DPR, KBC...



MIDCAP nổi bật: BWE, SCS, DBD, BMP, CTR,...

CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BCM	-	Bất động sản	63	64.7	-2.6%	57.5 - 60.5	60.9	3.7	2,414
BMP	-	Xây dựng và Vật liệu	106	103.2	2.7%	92 - 97	6.1	2.9	12,717
BVH	-	Bảo hiểm	41.5	40.6	2.2%	38.5 - 39.7	11.3	1.3	2,325
IDC		Bất động sản	53	53.1	-0.2%	45 - 48.5	13.2	3.0	4,221
NTL	-	Bất động sản	31	31.4	-1.3%	25 - 28	5.2	1.6	6,015

ĐẦU TƯ CÔNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
C4G	-	Xây dựng và Vật liệu	12.7	11.6	9.5%	10 - 10.8	30.4	1.4	582
CTD	-	Xây dựng và Vật liệu	72	67.5	6.7%	57.5 - 62	94.1	0.8	1,620
DPG	-	Xây dựng và Vật liệu	41	38.9	5.4%	36.5 - 38	10.9	1.1	3,574
HPG		Tài nguyên Cơ bản	29.1	28.4	2.5%	24 - 26	88.3	1.7	322
HSG		Tài nguyên Cơ bản	23	23.6	-2.5%	18 - 21	635.7	1.4	41

Chú thích Phân loại cổ phiếu:
 Cổ phiếu Tăng trưởng  Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/01/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

P/B < 1

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
OIL	-	Dầu khí	10.5	10	5.0%	8.5 - 9.5	11.7	0.9	858
PAN	-	Thực phẩm và đồ uống	21	20.85	0.7%	17.5 - 19.5	13.0	0.6	1,549
POW		Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.5	11.45	0.4%	10 - 10.8	18.8	0.8	609
TCH	-	Bất động sản	13.7	12.85	6.6%	11.6 - 12.5	24.9	0.7	598
VGT	-	Hàng cá nhân & Gia dụng	12.9	11.6	11.2%	10.1 - 10.8	98.1	0.6	172

BĐS DÂN DỤNG VÀ KCN

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
KDH		Bất động sản	36.2	31.2	16.2%	28 - 29.8	32.2	1.9	1,081
NLG	-	Bất động sản	38.4	38.9	-1.3%	32 - 36	26.9	1.2	1,643
DPR		Hóa chất	29.1	33.2	-12.2%	31 - 32.5	15.4	0.9	4,124
GVR	-	Hóa chất	22	22.5	-2.0%	18.5 - 19.5	36.7	1.6	582
IDC		Bất động sản	53	51.3	3.3%	45 - 48.5	16.1	2.7	3,177
SZC	-	Bất động sản	45	38.7	16.28%	34 - 37	34.8	4.4	1,990
LHG	-	Bất động sản	50	33.3	50.15%	29.5 - 31.5	7.8	1.1	3,375

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/01/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:
 Cổ phiếu Tăng trưởng  Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

MIDCAP NỔI BẬT

Mã CK	Phân loại cổ phiếu ^[1]	Ngành	Giá mục tiêu*	Giá hiện tại*	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BMP	-	Xây dựng và Vật liệu	106	104.4	1.53%	92 - 97	8.3	3.0	12,614
BWE	●	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	42.5	41.9	3.37%	40 - 41.5	11.6	1.8	3,602
CTR	●	Xây dựng và Vật liệu	96.7	91.8	5.34%	70.5 - 79.2	21.1	6.1	4,345
PVT	-	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	28.8	26	10.77%	22.5 - 25.5	5.7	1.0	2,961
SCS	●	Du lịch và Giải trí	74.3	69.6	6.75%	62.5 - 64.5	8.6	4.7	4,906

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu được cập nhật trong ngắn hạn

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 29/01/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

TỔNG QUAN VỀ SMART PORTFOLIO

Cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với từng khẩu vị rủi ro



Mục tiêu đầu tư

- Tìm kiếm lợi nhuận bền vững từ việc tăng trưởng vốn gốc và thu nhập cổ tức thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.



Chiến lược đầu tư

- Các danh mục mô phỏng theo chiến lược phân bổ cổ phiếu nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.
- Với mục tiêu đầu tư cụ thể, tỷ trọng của các nhóm cổ phiếu sẽ được phân bổ khác nhau ở mỗi danh mục tùy thuộc vào mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận tương ứng của từng danh mục.



Cơ cấu đầu tư

- Các danh mục sẽ có sự kết hợp tỷ trọng giữa các nhóm cổ phiếu giá trị, tăng trưởng, chủ đề và linh hoạt để tạo ra sự đa dạng về lợi suất kỳ vọng cũng như rủi ro.
- Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề dựa theo tiềm năng tăng trưởng của ngành, tình hình kinh tế vĩ mô và thanh khoản trên thị trường.
- Thời hạn đầu tư 6 - 12 tháng.

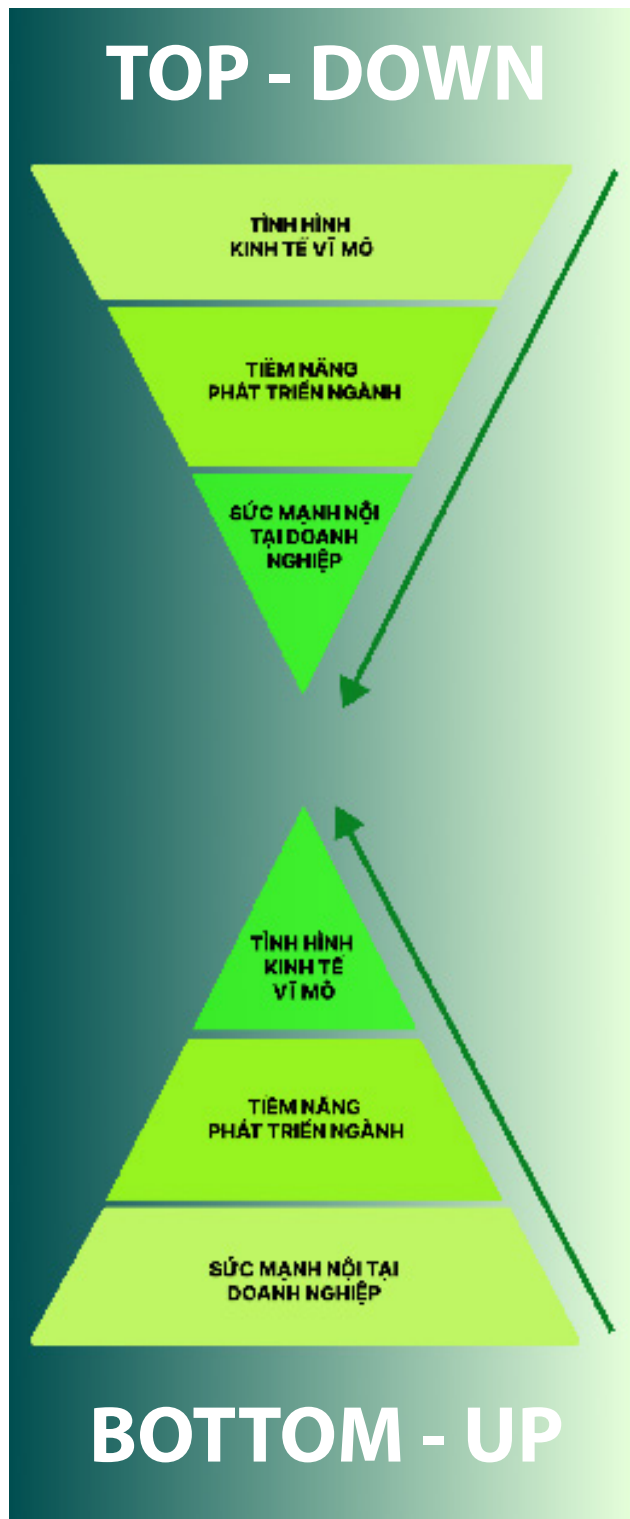


Phương pháp đầu tư

- SmartPortfolio thiết kế các danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá hấp dẫn so với các yếu tố cơ bản.
- Cổ phiếu niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX. Vốn hóa cổ phiếu >1,000 tỷ VNĐ. Thanh khoản trung bình phiên trong 30 ngày gần nhất >100,000 cổ phiếu. Tiềm năng tăng giá (bao gồm suất cổ tức kỳ vọng) của cổ phiếu > 15% trong chu kỳ 12 tháng.

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN

Kết hợp Bottom-Up và Top-down để tìm kiếm các cơ hội đầu tư vượt trội



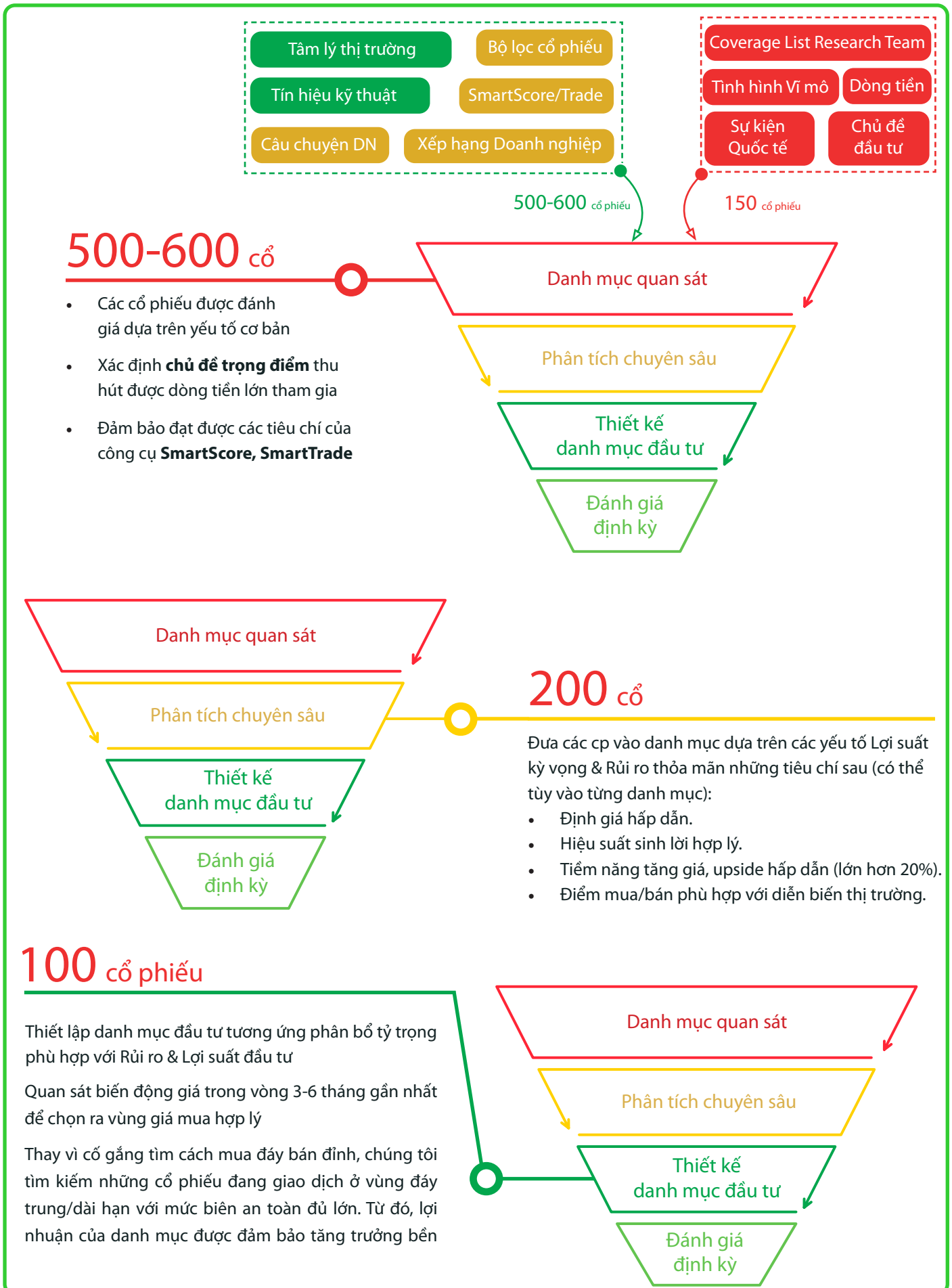
Đối với phương pháp Top-down, các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

1. Phân tích chỉ báo kinh tế vĩ mô, chính sách để tìm kiếm các ngành nghề triển vọng.
2. Tìm kiếm cổ phiếu các doanh nghiệp tiềm năng nhất ngành dựa trên các yếu tố cơ bản như:
 - Sức mạnh và sự ổn định tài chính, hiệu quả hoạt động
 - Chất lượng quản trị & năng lực điều hành
 - Lợi thế cạnh tranh, thị phần, quy mô, mô hình kinh doanh và loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp
 - Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận
3. Tập trung những cổ phiếu đang được định giá hấp dẫn so với giá trị thực cũng như tiềm năng tăng giá trong tương lai.

Đối với phương pháp Bottom-up, chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng:

- Doanh nghiệp có tài sản ngầm, chưa được khai thác đầy đủ
- Doanh nghiệp đang trong quá trình tái cấu trúc, thay đổi cơ cấu chủ sở hữu từ đó dẫn đến các cải thiện tích cực trong kết quả kinh doanh; Cổ phiếu liên quan đến hoạt động mua bán sáp nhập
- Cổ phiếu của các doanh nghiệp nằm trong danh sách thoái vốn của Nhà nước;
- Cổ phiếu có giá thị trường giảm sâu trong ngắn hạn và giảm sâu với giá định giá hợp lý.

QUY TRÌNH XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẦU TƯ



DIỄN GIẢI

● Cổ phiếu Phòng thủ

Cổ phiếu phòng thủ là loại cổ phiếu mang lại cổ tức và dòng thu nhập ổn định bất kể tình hình của thị trường chứng khoán. Do nhu cầu liên tục cho các sản phẩm/dịch vụ của công ty mình, cổ phiếu phòng thủ có xu hướng duy trì sự ổn định trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ kinh doanh. Một số cổ phiếu thuộc các ngành nghề đặc trưng với tính phòng thủ như y tế, hàng tiêu dùng thiết yếu, sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước...

● Cổ phiếu Tăng trưởng

Cổ phiếu tăng trưởng là cổ phiếu của một công ty được dự đoán sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn đáng kể so với mức tăng trung bình của thị trường. Những cổ phiếu này thường ít trả cổ tức, thay vào đó công ty thường tái đầu tư tất cả thu nhập để thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Các nhà đầu tư sau đó kiếm được tiền nhờ tăng trưởng giá ẩn tượng khi họ bán cổ phiếu. Do không có cổ tức, đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng có thể khá rủi ro.

Cơ hội duy nhất mà một nhà đầu tư kiếm được tiền là khi họ bán cổ phần của mình và hưởng lợi từ mức giá phản ánh câu chuyện tăng trưởng trong tương lai của doanh nghiệp.

CHẤM ĐIỂM SMARTSCORE

Điểm **Định giá** tập trung đo lường để xem xét thị giá của cổ phiếu đang cao hay thấp so với giá trị thực hoặc so với ngành. Các tiêu chí trong cấu phần điểm Định giá:

- P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA, EV/S,...
- Vốn hoá thị trường,...

Điểm **Động lượng** tập trung đo lường biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu trên thị trường. Các tiêu chí cấu phần điểm Động lượng:

- Khối lượng giao dịch cổ phiếu trung bình 3 tháng, 2 tuần,...
- Tỷ lệ thay đổi giá của cổ phiếu 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng,...
- Khối lượng giao dịch 2 tuần/ 3 tháng,...

Điểm **Chất lượng** tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự tăng trưởng của doanh nghiệp. Các tiêu chí cấu phần điểm Chất lượng:

- Chỉ số Hoạt động: vòng quay phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay phải trả,...
- Chỉ số Thanh khoản: chỉ số thanh toán nhanh, chỉ số thanh toán hiện hành,...
- Chỉ số Cơ cấu tài sản: nợ vay/vốn chủ sở hữu, nợ vay/tài sản,...
- Chỉ số Hiệu quả: biên lợi nhuận thuần, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, biên lợi nhuận ròng,...
- Chỉ số Tăng trưởng: tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận ròng, tăng trưởng EPS, CAGR lợi nhuận ròng (4 năm),...